**TIẾT 37 + 38 + 39: BÀI 3: PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ HAI SỐ NGUYÊN**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**Sau khi học xong bài này HS

***-*** Nhận biết được các quy tắc cộng, trừ số nguyên.

- Nhận biết được tính chất của phép cộng số nguyên.

- Nhận biết được số đối của một số nguyên.

**2. Năng lực**

**- Năng lực riêng:**

+ Thực hiện được các phép cộng trong tập hợp số nguyên.

+ Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp của phép cộng các số nguyên trong tính toán.

+ Thực hiện được các phép trừ trong tập hợp số nguyên.

+ Có kĩ năng chuyển được phép trừ sang phép cộng với số đối trong tính toán.

+ Giải được một số bài toán liên quan đến cộng và trừ số nguyên có nội dung thực tiễn.

**- Năng lực chung:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; mô hình hóa toán học; năng lực giao tiếp toán học.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:**  Chuẩn bị vẽ sẵn ( trên giấy hoặc tệp trình chiếu) hình minh họa một số phép toán sẽ sử dụng trong bài.

**2 - HS** : Chuẩn bị đầy đủ đồ dùng học tập cá nhân, đọc lại vấn đề biểu diễn số nguyên trên trục số và minh họa phép cộng số tự nhiên bằng tia số.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**  **Mục tiêu:**  + Giúp HS nhận thức nhu cầu sử dụng các phép tính cộng, trừ số nguyên. HS hiểu bài toán mở đầu dẫn đến phép cộng hai số âm (-3) + (-5).  + Gây hứng thú và gợi động cơ học tập cho HS.  **Sản phẩm:** Từ bài toánHS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.  **Tổ chức thực hiện:** HS chú ý lắng nghe và trả lời | | | | | | | |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | | | | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** | | | **NỘI DUNG** |
| GV đặt vấn đề qua bài toán mở đầu “ Nhiệt độ ban ngày ở Sapa vào một ngày mùa dông là -3oC . Nếu ban đêm giảm thêm 5oC nữa thì nhiệt độ ở đó sẽ là bao nhiêu?”  GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét.  GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới: “Bài toán mở đầu dẫn đến phép cộng hai số âm (-3) + (-5). Để biết cách tính kết quả chính xác tổng của hai số nguyên trên, cũng như hiểu rõ hơn về các tính chất của phép cộng, phép trừ, chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài ngày hôm nay?” => Bài mới. | | | | HS chú ý, suy nghĩ và trả lời câu hỏi.  HS trả lời, HS khác nhận xét. | | |  |
| **B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**  **Hoạt động 1: Cộng hai số nguyên cùng dấu**  **Mục tiêu:** + Tìm hiểu về cách cộng hai số nguyên bằng cách biểu diễn trên trục số.  + Hình thành kĩ năng cộng hai số nguyên.  + Củng cố ý nghĩa số nguyên âm và kĩ năng cộng hai số nguyên âm trong bài toán thực tế.  **Sản phẩm:** HS nắm vững kiến thức, kết quả của HS.  **Tổ chức thực hiện** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. | | | | | | | |
| - GV cho HS đọc, tìm hiểu đề **HĐKP1.**  - GV phân tích, hướng dẫn, yêu cầu HS trao đổi, hoàn thành **HĐKP1.**  - GV dẫn dắt, đi đến quy tắc cộng hai số nguyên cùng dấu trong hộp kiến thức.  - GV cho 1 số HS đọc lại quy tắc.  - GV phân tích, nhấn mạnh cho HS:  **Tổng của hai số nguyên cùng dấu luôn cùng dấu với hai số nguyên đó:**  + Tổng của hai số nguyên âm là một số nguyên âm:  **(-a) + (-b) = - (a +b)**  + Tổng của hai số nguyên dương là một số nguyên dương:  **(+a) + (+b) = a + b**  - GV hướng dẫn, phân tích *Ví dụ 1* để HS hiểu rõ quy tắc.  GV yêu cầu HS trao đổi, hoàn thành **Vận dụng 1**  GV: quan sát và trợ giúp HS.  GV tổng quát lưu ý lại kiến thức trọng tâm và gọi 1 học sinh nhắc lại: **Quy tắc cộng hai số cùng dấu.** | | | HS đọc, tìm hiểu đề **HĐKP1.**  HS trao đổi, hoàn thành **HĐKP1.**  HS đọc lại quy tắc.  HS trao đổi, hoàn thành **Vận dụng 1.**  HS theo dõi SGK, chú ý nghe, hiểu và hoàn thành các yêu cầu.  HS: Theo dõi, lắng nghe, phát biểu, lên bảng, hoàn thành vở.  HS nhận xét, bổ sung cho nhau. | | | **1. Cộng hai số nguyên cùng dấu**  **HĐKP1:**a) Kết quả của hành động trên là:  (+2) + (+3) = +5    b) Kết quả của hành động trên là:  (-2) + (-3) = -5    - Kết quả trên cho thấy điểm mà người đó dừng lại bằng với số đối của tổng (2+3).=>  - Muốn **cộng hai số nguyên dương**, ta cộng chúng như cộng hai số tự nhiên.  - Muốn **cộng hai số nguyên âm**, ta cộng hai số đối của chúng rồi thêm dấu trừ đằng trước kết quả.  - Tổng của hai số nguyên cùng dấu luôn cùng dấu với hai số nguyên đó.  *Chú ý:* Cho a, b là hai số nguyên dương, ta có:  (+a) + (+b) = a + b; (-a) + (-b) = - (a +b)  **Thực hành 1:**a) 4 + 7 = 11  b) (-4) + (-7) = - (4+7) = -11  c) (-99) + (-11) = - (99+11) = -110  d) (+99) + (+11) = + (99+11) = 110  e) (-65) + (-35) = - (65 + 35) = -100  **Vận dụng 1:**Bác Hà nợ bác Lan 80 nghìn đồng được biểu diễn: -80 (nghìn đồng)  Bác Hà nợ bác Lan 40 nghìn đồng được biểu diễn: -40 (nghìn đồng)  => Tổng số tiền bác Hà nợ bác Lan là:  (-80) + (-40) = **-120** (nghìn đồng) | |
| **Hoạt động 2: Cộng hai số nguyên khác dấu**  **Mục tiêu:**  + Củng cố kĩ năng tìm số đối.  + Tìm hiểu về cách cộng hai số nguyên khác dấu bằng cách biểu diễn trên trục số.  + Hiểu quy tắc cộng hai số nguyên khác dấu và vận dụng vào bài toán thực tế.  **Sản phẩm:** HS nắm vững kiến thức, kết quả của HS.  **Tổ chức thực hiện:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. | | | | | | | |
| **\* Cộng hai số đối nhau:**  - GV yêu cầu HS nhắc lại khái niệm hai số đối nhau.  - GV cho HS đọc, phân tích đề bài **HĐKP2**.  - GV yêu cầu HS trao đổi, thảo luận nhóm hoàn thành **HĐKP2**  - GV cho HS nhận xét, rút ra kiến thức: **Tổng hai số nguyên đối nhau luôn bằng 0** : **a + (-a) = 0**  - GV yêu HS thảo luận nhóm đôi hoàn thành **Vận dụng 2.**  **\* Cộng hai số nguyên không đối nhau:**  - GV yêu cầu HS thực hiện thảo luận cặp đôi hoàn thành **HĐKP3.**  - GV cho HS rút ra quy tắc **Cộng hai số nguyên không đối nhau** như trong SGK.  - GV yêu cầu một vài HS phát biểu lại quy tắc.  - GV lưu ý cho HS:  Khi cộng hai số nguyên trái dấu:  + Nếu số dương lớn hơn số đối của số âm thì ta có tổng dương.  + Nếu số dương bằng số đối của số âm thì ta có tổng bằng 0.  + Nếu số dương bé hơn số đối của số âm thì ta có tổng âm.  - GV yêu cầu HS hoạt động nhóm bốn đọc hiểu *Ví dụ 2* và *Ví dụ 3* để hình dung rõ về quy tắc cộng hai số nguyên khác dấu*.*  - GV yêu cầu HS vận dụng quy tắc hoàn thành **Thực hành 2,** 2 HS lên bảng trình bày.  - GV cho HS thảo luận nhóm làm **Vận dụng 3.**  + HS theo dõi SGK, chú ý nghe, hiểu và hoàn thành các yêu cầu.  + GV: quan sát và trợ giúp HS.  GV tổng quát lưu ý lại kiến thức trọng tâm và gọi 1 học sinh nhắc lại: ***Quy tắc cộng hai số nguyên khác dấu.*** | | | HS nhắc lại khái niệm hai số đối nhau  HS đọc, phân tích đề bài **HĐKP2**.  HS trao đổi, thảo luận nhóm hoàn thành **HĐKP2**  HS nhận xét, rút ra kiến thức: **Tổng hai số nguyên đối nhau luôn bằng 0** : **a + (-a) = 0**  HS thảo luận nhóm đôi hoàn thành **Vận dụng 2.**  HS thực hiện thảo luận cặp đôi hoàn thành **HĐKP3.**  HS rút ra quy tắc **Cộng hai số nguyên không đối nhau** như trong SGK.  HS phát biểu lại quy tắc.  HS hoạt động nhóm bốn đọc hiểu *Ví dụ 2* và *Ví dụ 3* để hình dung rõ về quy tắc cộng hai số nguyên khác dấu*.*  HS vận dụng quy tắc hoàn thành **Thực hành 2,** 2 HS lên bảng trình bày.  HS thảo luận nhóm làm **Vận dụng 3.**  + HS theo dõi SGK, chú ý nghe, hiểu và hoàn thành các yêu cầu.  +HS: Theo dõi, lắng nghe, phát biểu, trình bày bảng, hoàn thành vở.  HS nhận xét, bổ sung cho nhau. | | | **2. Cộng hai số nguyên khác dấu**  **\* Cộng hai số đối nhau**  **HĐKP2:**a) Người đó dừng lại tại điểm 0.    - Kết quả của phép tính: (+4) + (-4) = 0.  b) Người đó dừng lại tại điểm 0.    - Kết quả của phép tính: (-4) + (+4) = 0.  **=> Tổng của hai số nguyên đối nhau luôn luôn bằng 0: a + (-a) = 0**  **Vận dụng 2:**  Thẻ tín dụng của bác Tám ghi nợ 2 000 000 đồng được biểu diễn: - 2 000 000 (đồng).  Bác Tám nạp vào thẻ 2 000 000 đồng được biểu diễn: 2 000 000 (đồng).  => Số tiền bác Tám có trong tài khoản là: (- 2 000 000) + 2 000 000 = **0** (đồng). Bởi vì (- 2 000 000) và 2 000 000 là hai số đối nhau.  **\* Cộng hai số nguyên không đối nhau:**  **HĐKP3:**a) Người đó dừng lại tại điểm +4.    - Kết quả của phép tính: (-2) + (+6) = 4  b) Người đó dừng tại điểm -4.    - Kết quả của phép tính: (+2) + (-6) = -4  => Muốn cộng hai số nguyên khác dấu không đối nhau, ta làm như sau:  - Nếu số dương lớn hơn số đối của số âm thì ta lấy số dương trừ đi số đối của số âm.  - Nếu số dương bé hơn số đối của số âm thì ta lấy số đối của số âm trừ đi số dương rồi thêm dấu trước kết quả.  ***Chú ý:***  Khi cộng hai số nguyên trái dấu:  - Nếu số dương lớn hơn số đối của số âm thì ta có tổng dương.  - Nếu số dương bằng số đối của số âm thì ta có tổng bằng 0.  - Nếu số dương bé hơn số đối của số âm thì ta có tổng âm.  **Thực hành 2:**a) 4 + (-7) = - (7 – 3) = - 3  b) (-5) + 12 = 12 – 5 = 7; c) (-25) + 72 = 72 – 25 = 47  d) 49 + (-51) = - (51 – 49) = -2  **Vận dụng 3:**a) Ta có: (-3) + 5 = 5 - 3 = 2  => Thang máy dừng lại ở tầng 2.  b) Ta có 3 + (-5) = - (5 - 3) = - 2  => Thang máy dừng lại ở tầng hầm (-3) | |
| **Hoạt động 3: Tính chất của phép cộng**  **Mục tiêu:** - Nhận biết các tính chất của phép cộng.  - Luyện kĩ năng áp dụng các tính chất của phép cộng số nguyên để tính hợp lí.  **Sản phẩm:** HS nắm vững kiến thức, kết quả của HS.  **Tổ chức thực hiện:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. | | | | | | | |
| **a) Tính chất giao hoán:**  - GV chia lớp thành 4 nhóm hoàn thành **HĐKP4**:  - GV dẫn dắt, cho các nhóm rút ra tính chất giao hoán trong SGK.  - GV lưu ý cho HS : **a + 0 = 0 + a**.  **b) Tính chất kết hợp:**  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 **HĐKP5**:  Tính và so sánh kết quả:  [(-3) + 4] + 2 ; (-3) + (4+2) ; [(-3) +2] + 4  - GV dẫn dắt cho HS rút ra tính chất kết hợp như trong SGK.  - GV lưu ý cho HS phần Chú ý trong SGK:  + Tổng (a +b) + c hoặc a + (b+c) là tổng của ba số nguyên a, b, c và viết là a + b +c; a, b, c là các số hạng của tổng.  + Để tính tổng của nhiều số, ta có thể thay đổi tùy ý thứ tự các số hạng ( tính giao hoán), hoặc nhóm tùy ý các số hạng ( tính kết hợp) để việc tính toán được đơn giản và thuận lợi hơn.  - GV phân tích mẫu Ví dụ 4 và cho HS trình bày lại vào vở.  - GV yêu cầu HS áp dụng hoàn thành **Thực hành 3.**  + GV: quan sát và trợ giúp HS.  GV tổng quát lưu ý lại kiến thức trọng tâm và gọi 1 học sinh nhắc lại: ***Các tính chất của phép cộng các số nguyên.*** | | | + Nhóm 1 và nhóm 3 tính và so sánh:  **(-1) + (-3) và (-3) + (-1)**  + Nhóm 2 và nhóm 4 tính và so sánh:  **( -7) + (+6) và (+6) + (-7)**  HS thảo luận nhóm 4 **HĐKP5**:  HS rút ra tính chất kết hợp như trong SGK.  HS phần Chú ý trong SGK:  HS trình bày lại vào vở.  HS áp dụng hoàn thành **Thực hành 3.**  + HS theo dõi SGK, chú ý nghe, hiểu và hoàn thành các yêu cầu.  HS: Theo dõi, lắng nghe, phát biểu, trình bày bảng, hoàn thành vở.  + HS khác nhận xét, bổ sung. | | | **2. Tính chất của phép cộng**  **a) Tính chất giao hoán**  **HĐKP4:**Ta có:(-1) + (-3) = - 4; (-3) + (-1) = - 4  => (-1) + (-3) = (-3) + (-1)  Ta có:(-7) + (-6) = -13 ; (-6) + (-7) = -13  =>  (-7) + (-6) = (-6) + (-7)  **Phép cộng số nguyên có tính chất giao hoán, nghĩa là:a + b = b + a**  *Chú ý:* **a + 0 = 0 + a**  **b) Tính chất kết hợp**  **HĐKP5:**Ta có: [(-3) + 4] + 2 = 1 + 2 = 3             (-3) + (4 + 2) = (-3) + 6 = 3             [(-3) + 2] + 4 = (-1) + 4 = 3  => [(-3) + 4] + 2 = (-3) + (4 + 2) = (-3) + (4 + 2)  **Phép cộng các số nguyên có tính chất kết hợp:**  **( a + b) + c = a + (b + c)**  ***Chú ý:***+ Tổng (a +b) + c hoặc a + (b+c) là tổng của ba số nguyên a, b, c và viết là a + b +c; a, b, c là các số hạng của tổng.  + Để tính tổng của nhiều số, ta có thể thay đổi tùy ý thứ tự các số hạng ( tính giao hoán), hoặc nhóm tùy ý các số hạng ( tính kết hợp) để việc tính toán được đơn giản và thuận lợi hơn.  **Thực hành 3:**a) 23 + (-77) + (-23) + 77 = [23 + (-23)] + [(-77) + 77] = 0.  b) (-2 020) + 2 021 + 21 + (-22) = [(-2 020) + 2 021] + [21 + (-22)] = 1 + (-1) = 0. | |
| **Hoạt động 4: Phép trừ hai số nguyên**  **Mục tiêu:** - Tìm hiểu về cách thực hiện phép trừ ( Quy tắc trừ hai số nguyên)  - Hình thành và luyện kĩ năng trừ hai số.  - Áp dụng phép trừ vào bài toán thực tế.  **Sản phẩm:** HS nắm vững kiến thức, kết quả của HS.  **Tổ chức thực hiện:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. | | | | | | | |
| - GV dẫn dắt: “Ta đã biết phép trừ số tự nhiên a – b ( a b). Còn phép trừ số nguyên thì sao?”  - GV yêu cầu HS hoạt động nhóm trao đổi và hoàn thành **HĐKP6.**  - GV dẫn dắt, cho HS rút ra nhận xét:  **Muốn trừ số nguyên a cho số nguyên b, ta cộng a với số đối của b:**  **a - b = a + (-b)**  - GV hướng dẫn và cho HS đọc hiểu *Ví dụ 5* để hiểu rõ quy tắc trừ.  - GV phân tích cho HS phần Chú ý trong SGK.  - GV hướng dẫn Ví dụ 6 và cho HS trình bày vở.  - GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm và hoàn thành **Thực hành 4**  + GV: quan sát và trợ giúp HS.  GV tổng quát lưu ý lại kiến thức trọng tâm và gọi 1 học sinh nhắc lại: ***Quy tắc trừ hai số nguyên .*** | | | HS hoạt động nhóm trao đổi và hoàn thành **HĐKP6.**  HS rút ra nhận xét:  **Muốn trừ số nguyên a cho số nguyên b, ta cộng a với số đối của b:**  **a - b = a + (-b)**  HS đọc hiểu *Ví dụ 5* để hiểu rõ quy tắc trừ.  HS trình bày vở Ví dụ 6  HS thảo luận nhóm và hoàn thành **Thực hành 4**  + HS theo dõi SGK, chú ý nghe, hiểu và hoàn thành các yêu cầu.  HS: Theo dõi, lắng nghe, phát biểu, lên bảng, hoàn thành vở.  + Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau | | | **4. Phép trừ hai số nguyên**  **HĐKP6:**a) Mũi khoan đang ở độ cao: 5 - 10 = -5 (m) số với mực nước biển.  b) Ta có: 5 - 2 = 3 ; 5 + (-2) = 5 - 2 = 3  => 5 – 2 = 5 + (-2)  **Muốn trừ số nguyên a cho số nguyên b, ta cộng a với số đối của b:a – b = a + (-b)**  ***Chú ý:***  - Cho hai số nguyên a và b.. Ta gọi a –b là hiệu của a và b ( a được gọi là số bị trừ, b là số trừ)  - Phép trừ luôn thực hiện được trong tập hợp số nguyên.  => Hiệu của hai số nguyên a và b là tổng của a và số đối của b.  **Thực hành 4:**a) 6 – 9 = 6 + (-9) = -(9 – 6) = -3  b) 23 – (-12) = 23 + 12 = 35  c) (-35) – (-60) = (-35) + 60 = 60 – 35 = 25  d) (-47) – 53 = (-47) + (-53) = - (47 + 53) = -100  e) (-43) – (-43) = (-43) + 43 = 0 | |
| **Hoạt động 5 : Quy tắc dấu ngoặc**  **Mục tiêu:** - Làm quen, nhận biết quy tắc dấu ngoặc.  - Làm quen với việc bỏ dấu ngoặc trong trường hợp trong ngoặc chỉ có một số âm (hoặc dương) và mở rộng khái niệm tổng.  - Khám phá và hình thành kĩ năng vận dụng quy tắc dấu ngoặc trong tính toán.  **Sản phẩm:** HS nắm vững kiến thức, kết quả của HS.  **Tổ chức thực hiện:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. | | | | | | | |
| - GV chia lớp thành 4 nhóm tổ chức thảo luận nhóm theo kĩ thuật khăn trải bàn hoàn thành **HĐKP7.**  - GV, dẫn dắt, giảng và phân tích cho HS cách bỏ dấu ngoặc trong trường hợp đơn giản.  - GV cho một vài HS đọc lại quy tắc trong SGK.  - GV yêu cầu HS đọc hiểu Ví dụ 7 và trình bày lại vào vở.  - Gv kiểm tra độ hiểu bài của HS qua việc yêu cầu HS hoàn thành **Thực hành 5.**  + GV: quan sát và trợ giúp HS.  GV tổng quát lưu ý lại kiến thức trọng tâm và lưu ý những sai lầm HS hay mắc và gọi 1 học sinh nhắc lại: **Quy tắc dấu ngoặc.** | | | HS thảo luận nhóm theo kĩ thuật khăn trải bàn hoàn thành **HĐKP7.**  HS đọc lại quy tắc trong SGK.  HS đọc hiểu Ví dụ 7 và trình bày lại vào vở.  HS hoàn thành **Thực hành 5.**  + HS theo dõi SGK, chú ý nghe, hiểu và hoàn thành các yêu cầu.  HS: Theo dõi, lắng nghe, phát biểu, hoàn thành vở, lên bảng trình bày.  + HS nhận xét, bổ sung cho nhau. | | | **5 . Quy tắc dấu ngoặc**  **HĐKP7:**a) Ta có:(4 + 7) = - 11   * (-4 - 7) = - (4 + 7) = -11   => - (4 + 7) = (-4 - 7)  b) Ta có: (12 - 25) = (-12) + 25 = 13   * (-12 + 25) = 25 – 12 = 13   => - (12 - 25) = (-12 + 25)  c) Ta có: (-8 + 7) = 8 – 7 = 1   * (8 – 7) = 1=> - (-8 + 7) = (8 - 7)   d) Ta có: +(- 15 - 4) = (-15) + 4 = - (15 + 4) = - 19   * (-15 – 4) = -19=> +(- 15 – 4) = (-15 – 4)   e) Ta có:+(23 – 12) = 23 - 12 = 11   * (23 – 12) = 11=> +(23 – 12) = (23 – 12)   KL: Khi bỏ dấu ngoặc, nếu đằng trước dấu ngoặc:   * Có dấu “+”, thì vẫn giữ nguyên dấu của các số hạng trong ngoặc:**+ ( a + b - c) = a + b – c** * Có dấu “ – ”, thì phải đổi dấu tất cả các số hạng trong ngoặc.**- ( a + b - c) = -a - b + c**   **Thực hành 5:**T = -9 + (-2) – (-3) + (-8)      = -9 - 2 + 3 - 8    = -16 | |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  **Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.  **Sản phẩm:** Kết quả của HS.  **Tổ chức thực hiện:** HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT | | | | | | | |
| - *GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập:* **Bài 1 ; 2 ; 5 ; 6 ; 7 ( SGK - 63, 64)** | *- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận đưa ra đáp án, hoàn thành vở, lên bảng trình bày.*  - HS làm việc cá nhân, nhóm đôi  - Trình bày bài làm khi GV yêu cầu.  +HS: nhận xét và bổ sung cho nhau. | | | | |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Bài 1 :**a | b | Dấu của ( a + b) | | 25 | 46 | + | | -51 | -37 | - | | -234 | 112 | - | | 2027 | -2021 | + |   **Bài 2 :** a) 23 + 45 = 68  b) (-42) + (-54) = - (42 + 54) = - 96  c) 2 025 + (-2 025) = 0  d) 15 + (-14) = (15 – 14) = 1  e) 33 + (-135) = - (135 – 33) = 102  **Bài 5 :** a) 6 – 8 = -2; b) 3 – (-9) = 3 + 9 = 12  c) (-5) – 10 = - (10 + 5) = -15; d) 0 – 7 = -7;  e) 4 – 0 = 4; g) (-2) – (-10) = (-2) + 10 = 10 – 2 = 8  **Bài 6:**a) S = (45 – 3 756) + 3 756 = 45 – 3 756 + 3 756 = 45 + [(– 3 756) + 3 756] = 45  b) S = (-2 021) - (199 – 2 021) = (-2 021) + (-199)  + 2 021 = - 199  **Bài 7:** a) (4 + 32 + 6) + (10 – 36 - 6) = 4 + 32 + 6 + 10 – 36 – 6 = 10  b) (77 + 22 – 65) - (67 +  12 - 75) = 77 + 22 – 65 – 67 – 12 + 75 = 30  c) - (-21 +  43 + 7) – (11 – 53 - 17) = 21 – 43 – 7 – 11 + 53 + 17 = 30 | | |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**  **Mục tiêu:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để và khắc sâu kiến thức.  **Sản phẩm:** Kết quả của HS.  **Tổ chức thực hiện:** HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập. | | | | | | | |
| *- GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập vận dụng :* **Bài 3 ; 4 ; 8 ( SGK – tr 63, 64)**  *- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức* | | *- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, hoàn thành vở và lên trình bày bảng.*  - HS làm việc cá nhân, nhóm đôi  - Trình bày bài làm khi GV yêu cầu.  +HS: nhận xét và bổ sung cho nhau. | | | **Bài 3:**  Tàu ngầm đang ở độ sâu 20 m được biểu diễn: - 20 (m)  Tàu tiếp tục lặn thêm 15 m được biểu diễn: - 15 (m)  => Độ sâu là: (-20) + (-15) = - 35 (m)  Vậy khi đó tàu ngầm ở độ sâu **35 m.**  **Bài 4 :**  Thang máy ở tầng 3 : +3  Thang máy đi lên tầng 7 : + 7  Thang máy đi xuống 12 tầng : -12  Ta có: 3 + 7 + (-12) = 10 + (-12) = -2  Vậy cuối cùng thang máy dừng lại tại tầng (-2).  **Bài 8 :**  a) Năm sinh của Archimedes: - 287      Năm mất của Archimedes: - 212  b) Ta tính tuổi của Archimedes bằng: (-212) - (-287) = (-212) + 287 = 75 (tuổi)  Vậy Archimedes mất năm **75** tuổi. | | |

**\* HƯỚNG DẪN TỰ HỌC.**

**a/Bài vừa học :**

- Ghi nhớ các quy tắc cộng trừ số nguyên

- Hoàn thành nốt các bài tập và làm thêm **Bài 1+ 5 + 7+8 ( SBT -tr51, 52)**

b**/Bài sắp học**: “ **Phép nhân và phép chia hết hai số nguyên**”